

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác dân tộc, Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, Quyết định số 1657/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ, Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 12/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến công tác dân tộc; qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp và Nhân dân đối với công tác dân tộc và chính sách dân tộc trong tình hình mới. Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác dân tộc; tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp nhằm triển khai hiệu quả các chương trình, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và sự đồng thuận trong toàn xã hội.

- Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị vào việc tổ chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong thời gian đến. Phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong việc chăm lo, hỗ trợ, giúp đỡ phát triển sản xuất góp phần giảm nghèo bền vững cho vùng đồng bào DTTS; nhằm thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### 2. Yêu cầu

- Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP và Chỉ thị số 19/CT-TTg đảm bảo hiệu quả, đạt được các mục tiêu đề ra.

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội xác định rõ từng nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Nâng cao vai trò tham mưu, đề xuất của các ngành, các địa

phương về cơ chế, giải pháp thực hiện các chính sách dân tộc, đồng thời tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Ưu tiên phát triển toàn diện, phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bào DTTS&MN nhất là vùng đặc biệt khó khăn; khai thác tiềm năng, phát huy hiệu quả lợi thế kinh tế từng vùng, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ không gian sinh sống của đồng bào DTTS. Rút ngắn khoảng cách về mức thu nhập giữa vùng đồng bào DTTS so với vùng có điều kiện thuận lợi phát triển. Từng bước giảm dần số xã, thôn, làng đặc biệt khó khăn, cải thiện rõ rệt đời sống sinh hoạt người dân; chú trọng thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, kinh tế - xã hội và kết nối phát triển các vùng kinh tế.

- Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN. Xóa bỏ dần các phong tục tập quán lạc hậu, đồng thời bảo tồn, phát huy các bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp đặc trưng của các dân tộc.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia. Củng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Phấn đấu tăng thu nhập bình quân của người DTTS bằng 1/2 bình quân chung của tỉnh;

- Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào DTTS&MN giảm xuống dưới 10%;

- Phấn đấu vùng đồng bào DTTS&MN cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn;

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân;

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông;

- 100% thôn có đường trục chính được cứng hoá;

- 100% thôn có đường ô tô kết nối với trung tâm xã hoặc các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa hoặc bê tông bảo đảm đi lại quanh năm;

- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp;

- 100% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 20% sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn;

- 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;

- Có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ;

- Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa;

- Phần đầu 70% lễ hội truyền thống tiêu biểu được phục hồi, tổ chức thường niên gắn với phát triển du lịch; 100% xã vùng DTTS có công chức văn hoá - xã hội được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;

- 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội;

- Bảo đảm 100% các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới có nhu cầu được đầu tư các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học.

- Từng bước nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ internet, hạ tầng số của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2045**

- Thu nhập bình quân của người DTTS đạt trên 1/2 bình quân chung của cả nước.

- Cơ bản không còn hộ nghèo; người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Nhiệm vụ đột phá**

1.1. Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào DTTS; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào DTTS&MN, hướng tới phát triển bền vững và thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào DTTS trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

### **1.3. Về phát triển nguồn nhân lực**

- Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN để làm đầu mối dẫn dắt, tập hợp đồng bào DTTS trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội; phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới, kết hợp với phát huy các tri thức bản địa và kinh nghiệm sống, sản xuất của đồng bào trong phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn xã hội.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào DTTS&MN, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người DTTS. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đặc biệt tại các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ người DTTS; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

- Ban hành các chính sách đặc thù nhằm hỗ trợ, khuyến khích con em vùng đồng bào DTTS&MN tích cực học tập, nâng cao trình độ; đồng thời tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở các ngành, lĩnh vực thiết yếu như y tế (bác sĩ, dược sĩ), nông nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa cơ sở, quản lý kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, công nghệ thực phẩm...

1.4. Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, sinh hoạt, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong đó, ưu tiên phát triển hệ thống giao thông liên xã kết nối với hệ thống đường tỉnh lộ, quốc lộ nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

1.5. Phát triển hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào DTTS&MN; xây dựng và phát triển đồng bộ về cơ sở dữ liệu các dân tộc phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

1.6. Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN.

1.7. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào dân tộc với Đảng và Nhà nước.

## **2. Nhiệm vụ chủ yếu**

### **2.1. *Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc***

Xác định, phân công rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan từ tỉnh đến xã trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và các chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc.

### **2.2. *Về phát triển kinh tế***

Tập trung mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế hàng hóa ở vùng đồng bào DTTS&MN; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN.

- Đối với nông nghiệp:

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; tập trung hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sử dụng lao động tại chỗ; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo 2 nhóm sản phẩm chủ lực (*cấp tỉnh và đặc sản địa phương*) gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*OCOP*).

+ Chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hoàn thành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy hoạch được phê duyệt; giải quyết đất sản xuất và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào DTTS và hộ nghèo người Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN; kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

- Đối với công nghiệp - xây dựng:

+ Rà soát, quy hoạch hợp lý các ngành công nghiệp, lựa chọn một số ngành, lĩnh vực chủ yếu, có tiềm năng, thế mạnh để ưu tiên phát triển gắn liền với tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và địa bàn sinh sống của đồng bào DTTS.

+ Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt cho người dân.

+ Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch.

- Đối với thương mại, dịch vụ, du lịch:

+ Chú trọng phát triển kinh tế biên mậu với Campuchia. Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng thông qua hệ thống chợ đầu mối, chợ trung tâm cụm xã. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ phù hợp đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; du lịch lịch sử - văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch “xanh”, du lịch “trải nghiệm”, du lịch “nông nghiệp”, đảm bảo các yếu tố tự nhiên và văn hóa truyền thống vùng đồng bào DTTS&MN.

### **2.3. Về phát triển giáo dục - đào tạo**

- Phát huy và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng đồng bào DTTS&MN; thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, gắn đào tạo với nhu cầu và khả năng bố trí việc làm tại địa phương.

- Chú trọng củng cố và phát triển số lượng, chất lượng, quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú để đáp ứng nhu cầu học tập của con em người DTTS, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tâm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào DTTS&MN. Tổ chức dạy song hành tiếng Việt và tiếng DTTS phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Ưu tiên bố trí đủ số lượng đội ngũ giáo viên, tổ chức bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào DTTS&MN.

#### ***2.4. Về y tế và dân số***

- Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường khả năng tiếp cận, cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng, giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho đồng bào DTTS. Trong đó quan tâm thực hiện một số chính sách về: Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm...

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, có cơ chế để phụ nữ người DTTS tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

#### ***2.5. Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc***

- Đẩy mạnh công tác sưu tầm, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào DTTS; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng trong việc gìn giữ và phát huy di sản văn hóa; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống thông qua các lễ hội, hoạt động văn hóa, nghệ thuật truyền thống và Tết cổ truyền của đồng bào.

- Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở vùng đồng bào DTTS&MN, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân.

- Phát huy vai trò của nghệ nhân, già làng, người có uy tín trong việc truyền dạy và bảo tồn văn hóa phi vật thể cho thế hệ trẻ, nhất là các loại hình văn hóa đặc trưng như công chiêng, tạc tượng, dệt thổ cẩm.

#### ***2.6. Quốc phòng, an ninh***

- Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào DTTS để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động biểu tình, phá rối gây mất trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tư tưởng, nguyện vọng của đồng bào DTTS, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào DTTS&MN về số lượng, nâng cao về chất lượng, nhất là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, phường trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

## ***2.7. Về đối ngoại***

- Tăng cường công tác đối ngoại để thu hút nguồn lực đầu tư hợp pháp của các tổ chức cộng đồng quốc tế cho vùng đồng bào DTTS&MN; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng giao lưu nhân dân với nước bạn trên tuyến biên giới.

- Gắn kết đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng, đối ngoại công an với Vương quốc Campuchia, giữ vững an ninh, trật tự tuyến biên giới; phòng chống tội phạm về ma túy, “buôn người”, phối hợp phòng chống khủng bố.

- Nâng cao hiệu quả tuyên truyền đối ngoại góp phần giúp cộng đồng quốc tế hiểu đúng và ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc.

## ***2.8. củng cố hệ thống chính trị cơ sở***

Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đặc biệt là ở các địa bàn chiến lược, trọng điểm trên tuyến biên giới, vùng căn cứ cách mạng.

## **3. Giải pháp thực hiện**

### ***3.1. Nâng cao nhận thức về công tác dân tộc***

Tổ chức quán triệt sâu rộng trong các cấp, các ngành, nhất là vùng đồng bào DTTS về nội dung của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc, Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, Quyết định số 1657/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ, Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 12/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác dân tộc nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trong thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

### **3.2. Đảm bảo nguồn lực thực hiện Chiến lược công tác dân tộc**

- Xây dựng cơ chế chính sách, giải pháp ưu tiên huy động các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu Chiến lược công tác dân tộc đề ra. Trong đó kinh phí thực hiện Chiến lược công tác dân tộc được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước và huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi để huy động sự tham gia của các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính trong việc triển khai các gói tín dụng, hỗ trợ phát triển sản xuất, góp phần phát huy ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực thoát nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Đề xuất các chính sách đặc thù để khuyến khích, thu hút và hỗ trợ của các đơn vị tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

### **3.3. Đổi mới việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc**

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới. Cụ thể hóa Chiến lược công tác dân tộc bằng các chương trình hành động, dự án, kế hoạch triển khai phù hợp với nguồn lực và tình hình thực tế của tỉnh.

- Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, kế hoạch cho người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu đã ban hành, tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế. Phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

### **3.4. Kiện toàn bộ máy, đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc**

- Tiếp tục kiện toàn, xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến xã đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo phân công, phân nhiệm rõ ràng, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức liên quan.

### **3.5. Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, chương trình, chính sách thực hiện Chiến lược công tác dân tộc**

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng

đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

- Nghiên cứu, đề xuất một số chính sách của tỉnh để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng đồng bào DTTS&MN, bảo đảm phù hợp định hướng, chủ trương của Đảng, các chính sách lớn của Nhà nước và tình hình thực tiễn của địa phương; tăng cường phân cấp cho các địa phương chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trong tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược công tác dân tộc theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Dân tộc và Tôn giáo**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch, định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả, hiệu quả việc thực hiện kế hoạch.

##### **2. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương trình cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN theo quy định hiện hành.

##### **3. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan xây dựng chính sách bố trí ổn định dân cư; phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các vùng khó khăn nhằm ổn định đời sống dân cư; hướng dẫn địa phương phát triển kinh tế gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân đã được phê duyệt trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, trong đó ưu tiên các đối tượng người nghèo, người DTTS tại các xã, thôn, làng đặc biệt khó khăn. Tham mưu UBND tỉnh thu hồi diện tích đất của các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào DTTS.

##### **4. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Dân Tộc và Tôn giáo và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tăng cường kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi trong việc đào tạo, quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng cán bộ là người DTTS, nhất là đối với cán bộ nữ, cán bộ là người DTTS rất ít người và các dân tộc hiện có ít cán bộ; tham mưu triển khai thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ về “Phát triển

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035”.

### **5. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí vùng DTTS&MN; nghiên cứu phương án nâng cấp, mở rộng quy mô các trường THPT ở vùng đồng bào DTTS&MN, khu vực xã biên giới để tạo điều kiện học tập thuận lợi, thúc đẩy phát triển toàn diện và nâng cao tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS tiếp tục theo học cấp THPT tại địa bàn. Phối hợp triển khai hiệu quả Đề án Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người DTTS trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045; tham mưu ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ học sinh DTTS.

### **6. Sở Y tế**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương rà soát, nghiên cứu, bổ sung chính sách đào tạo nguồn nhân lực y tế cho vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn. Phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất và cung cấp trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế tuyến xã tại vùng đồng bào DTTS&MN.

### **7. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù nhằm ưu tiên đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS, trong đó chú trọng các dân tộc rất ít người và các giá trị văn hóa có nguy cơ mai một. Đồng thời, tổ chức bảo tồn, phát triển không gian văn hóa, làng văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch bền vững; ưu tiên phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng có sự tham gia và hưởng lợi của đồng bào DTTS.

### **8. Sở Công Thương**

Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương và cơ quan liên quan tập trung đầu tư phát triển hệ thống điện cho vùng đồng bào DTTS&MN; phấn đấu đến năm 2030, 100% số hộ dân được sử dụng điện.

### **9. Sở Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai; trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn kết nối từ trung tâm xã đến các thôn, làng thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào DTTS&MN; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn, cầu dân sinh tại vùng đồng bào DTTS&MN. Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, trong đó ưu tiên hộ đồng bào DTTS theo quy định.

### **10. Sở Ngoại vụ**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tăng cường quan hệ chính trị tốt đẹp, tin cậy với nước láng giềng Campuchia, các tổ chức quốc tế, từ đó tiếp tục vận động các nước, các đối tác tiếp tục hỗ trợ triển khai các dự án liên quan đến DTTS; phối hợp thông tin cho các đối tác về các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc; phối hợp thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ công tác dân tộc.

### **11. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương đẩy mạnh chuyên đổi số, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; từng bước nâng cao khả năng tiếp cận, khai thác và sử dụng hiệu quả dịch vụ internet, hạ tầng số của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

### **12. Sở Tư pháp**

Phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS với nội dung và hình thức phù hợp; thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS theo quy định của pháp luật.

### **13. Công an tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương tăng cường các biện pháp giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; kiên quyết đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để chống phá sự nghiệp phát triển đất nước; xóa bỏ tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội khác ở vùng đồng bào DTTS&MN.

### **14. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội; giúp dân giảm nghèo bền vững, chú trọng đầu tư xây dựng các Khu kinh tế quốc phòng; đảm bảo quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, nhất là các địa bàn chiến lược, trọng điểm, khu vực biên giới, hải đảo.

### **15. Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài phản ánh về gương điển hình tiên tiến trong lao động, sản xuất, công tác xã hội ... trong đồng bào DTTS.

### **16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

Tăng cường vận động đồng bào DTTS đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào dân tộc thiểu số; nêu cao ý thức tự lực tự cường, củng cố khối đoàn kết dân tộc; thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

### **17. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

Chủ trì thực hiện chính sách tín dụng đối với các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng), hộ đồng bào DTTS ở các khu vực đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện để các hộ trên được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh.

### **18. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

Xây dựng kế hoạch và chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030; chỉ đạo các phòng, ban cấp xã xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm theo quy định.

Chủ động huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện; huy động, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc trên địa bàn; tập trung ưu tiên giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn các xã, phường.

Tập trung ưu tiên xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân. Tăng cường giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc; đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn; kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện ở địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về UBND tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. /

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- ct, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đương Mah Tiệp**